



# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010**

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN**

# NỘI DUNG

|              |  |           |
|--------------|--|-----------|
| <b>I.</b>    | <b>Lịch sử hoạt động của Công ty</b> .....   | <b>2</b>  |
| 1.           | Quá trình hình thành và phát triển .....   | 2         |
| 2.           | Thành tựu trong hoạt động SXKD.....  | 3         |
| 3.           | Định hướng phát triển .....  | 4         |
| <b>II.</b>   | <b>Báo cáo của Hội đồng quản trị</b> .....   | <b>5</b>  |
| 1.           | Kết quả hoạt động trong năm .....  | 5         |
| 2.           | Tình hình thực hiện so với kế hoạch.....   | 6         |
| 3.           | Những thay đổi chủ yếu trong năm .....   | 6         |
| 4.           | Triển vọng và kế hoạch trong tương lai .....   | 7         |
| <b>III.</b>  | <b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b> .....   | <b>8</b>  |
| 1.           | Báo cáo tình hình tài chính.....   | 8         |
| 2.           | Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh qua các năm.....                         | 10        |
| 3.           | Những tiến bộ Công ty đạt được .....   | 11        |
| 4.           | Kế hoạch phát triển trong tương lai .....  | 11        |
| <b>IV.</b>   | <b>Báo cáo tài chính</b> .....   | <b>13</b> |
| <b>V.</b>    | <b>Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán</b> .....                       | <b>13</b> |
| <b>VI.</b>   | <b>Các công ty có liên quan</b> .....  | <b>15</b> |
| 1.           | Tổ chức nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp tại Công ty .....                           | 15        |
| 2.           | Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức.....                            | 15        |
| 3.           | Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan đến 31/12/2009 .....                       | 15        |
| <b>VII.</b>  | <b>Tổ chức và nhân sự</b> .....  | <b>15</b> |
| 1.           | Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty .....                                       | 15        |
| 2.           | Các cá nhân trong Ban điều hành .....  | 17        |
| 3.           | Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành trong năm.....  | 19        |
| 4.           | Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động .....                    | 20        |
| 5.           | Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng ..... | 22        |
| <b>VIII.</b> | <b>Thông tin cổ đông và Quản trị công ty</b> .....                                       | <b>22</b> |
| 1.           | Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát .....   | 22        |
| 2.           | Các dữ liệu thống kê về cổ đông tại ngày 31/12/2009 .....                                | 26        |

---

## I. Lịch sử hoạt động của Công ty

### 1. Quá trình hình thành và phát triển

Ngày 17/05/1989 Nhà máy thuốc trừ sâu Sài Gòn trực thuộc Chi cục Bảo Vệ Thực Vật Tp.HCM được thành lập theo quyết định số 369/NN/QĐ của Sở Nông Nghiệp và PTNN Tp.HCM.



Nhà máy hoạt động dưới hình thức bảo sô cho Chi cục Thực Vật Tp.HCM. Tuy hoạt động trực thuộc chi cục bảo vệ thực vật

Tp.HCM và chỉ mới sản xuất vài loại thuốc theo quy trình công nghệ của công ty Rhone Poulenc, nhưng do nhu cầu thị trường tăng nhanh nên sản phẩm của nhà máy sản xuất ra được tiêu thụ mạnh, nhà máy hoạt động mang lại hiệu quả cao.

Do đó, ngày 18/02/1993, thực hiện quyết định số 68/QĐ-UB của UBND Tp.HCM, theo quy định 388/CP chính phủ, Nhà máy Thuốc trừ sâu Sài Gòn chuyển thành Xí nghiệp thuốc trừ sâu Sài Gòn. Xí nghiệp bắt đầu hoạt động như một đơn vị kinh tế hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân và tách khỏi chi cục Bảo Vệ Thực Vật Tp.HCM.

Sau một năm đi vào hoạt động ổn định và kinh doanh có hiệu quả, sản phẩm của Xí nghiệp ngày càng mở rộng thị phần, đòi hỏi Xí nghiệp phải có một sự đầu tư phát triển tốt hơn.



Với những điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng quy mô sản xuất, Xí nghiệp đã cải tiến quy trình công nghệ, đa dạng hoá sản phẩm nâng cao trình độ kinh tế kỹ thuật của CB-CNV.

Ngày 22/04/1994, theo quyết định số 1177/QĐ-UB-NC của UBND Tp.HCM, Xí nghiệp Thuốc trừ sâu Sài Gòn chính thức trở thành Công ty thuốc trừ sâu Sài Gòn.

Năm 1997, Công ty thuốc trừ sâu Sài Gòn là đơn vị thành viên trực thuộc Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn.

---

Đến ngày 30/06/2004, theo quyết định số 3131/QĐ-UB của UBND Tp.HCM. Công ty thuộc trừ sâu Sài Gòn đã chính thức đổi tên thành: Công ty TNHH 1 Thành viên BVTV Sài Gòn.

Căn cứ Quyết định số 5698/QĐ-UBND ngày 27/12/2007 của Ủy ban Nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty TNHH Một thành viên Bảo vệ thực vật Saigon thành Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Saigon.

Ngày 09/6/2008, Đại hội cổ đông lần đầu của Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn được tổ chức thông điều lệ tổ chức hoạt động, bầu Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và thông qua phương án hoạt động kinh doanh 03 năm của Công ty.

Công ty cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn chính thức hoạt động theo mô hình mới kể từ ngày 14/6/2008 căn cứ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4103010609 ngày 14/6/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp.

## **2. Thành tựu trong hoạt động SXKD**

SPC được thành lập từ năm 1989, với 30 cán bộ công nhân viên sản xuất kinh doanh 03 sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật chủ yếu được tiêu thụ tại Tp.Hồ Chí Minh. Đến nay, SPC đã có hơn 650 cán bộ công nhân viên với hơn 80 sản phẩm thuốc BVTV và có hệ thống phân phối và dịch vụ rộng khắp trên cả nước với 15 Chi nhánh và 1200 đại lý; 01 Siêu thị Nông nghiệp; 02 Xí nghiệp sản xuất thuốc BVTV tại Tp.Hồ Chí Minh và Tỉnh Thanh Hóa; 01 Nông trại Hoa Hồng tại Tp. Đà Lạt

Bên cạnh thị trường Việt Nam, SPC còn có hoạt động tại các nước như: Lào, Myanmar và Campuchia, đặt biệt tại Công Hòa Dân Chủ Nhân Dân Lào, SPC đã đầu tư thành lập Công ty TNHH Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn tại Lào với hơn 2000 ha sản xuất bắp giống

### **NHỮNG GHI NHẬN**

- Huân chương Lao động hạng II của Chủ tịch Nước CHXHCN Việt Nam ngày 11/02/2004 về “thành tích xuất sắc trong công tác từ 1998 – 2002 góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.
- Huân chương Lao động hạng III của Chủ tịch Nước CHXHCN Việt Nam ngày 12/8/1997 về “Thành tích xuất sắc trong công tác từ 1992 – 1996 góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.
- Bằng khen, cờ thi đua của Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh liên tục từ năm 1993 – 2007.

- 
- Biểu trưng “SPC” liên tục được bình chọn Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao từ năm 2005 đến nay.
  - Chứng nhận của tổ chức Quacert và BVQI công nhận đạt hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001: 2000 và ISO IEC 17025 từ năm 2001 cho đến nay.

### **3. Định hướng phát triển**

#### **TẦM NHÌN**

Trở thành tập đoàn dịch vụ nông nghiệp nhiệt đới hàng đầu - Nơi tiên phong ứng dụng các phát minh và công nghệ mới.

#### **SỨ MẠNG**

Cung cấp những sản phẩm, dịch vụ chất lượng thỏa mãn ước vọng vì một nền nông nghiệp xanh và bền vững.

Để thực hiện được sứ mạng trên, Công ty đã đưa ra các định hướng phát triển như sau:

- Đổi mới trang thiết bị sản xuất và ổn định toàn bộ hoạt động sản xuất của Xí nghiệp sản xuất Hiệp Phước để tăng cường năng lực sản xuất, đáp ứng nhu cầu kinh doanh trong mọi thời điểm. Trong năm 2010, tập trung hoàn tất dự án Hiệp Phước giai đoạn 2 nhằm đáp ứng nhu cầu về kho hàng, đầu tư mới trang thiết bị cho Xí nghiệp Hiệp Phước như dây chuyền thuốc hạt để thay thế và nâng cao chất lượng sản phẩm, hệ thống máy đóng gói nhỏ để phát triển sản phẩm cho thị trường phía bắc.
- Tập trung nhân lực kinh doanh phát triển thị trường miền Trung và Bắc bộ thuộc các chi nhánh Đà Nẵng, Nghệ An, Thanh Hóa, Hà Nội. Các sản phẩm SPC còn khả năng phát triển thị phần nhờ đi sâu vào mạng đại lý cấp 2, các tỉnh miền núi, trung du bắc bộ. Đây là thị trường có sản phẩm chủ yếu tiêu thụ nội địa (rau, trái cây) ít bị ảnh hưởng về sự bất ổn bởi giá nông sản xuất khẩu. Khả năng doanh số sẽ tăng trưởng khoảng 20% so năm cũ.
- Cũng cố hệ thống phân phối gồm các khách hàng, đại lý, cửa hàng nhằm giữ vững thị trường hiện có. Các chính sách tín dụng bán hàng, chương trình, kế hoạch chiết khấu, khuyến mãi, phải được xây dựng tiếp thị đến từng khách hàng ngay từ đầu niên vụ để thỏa mãn nhu cầu, tạo niềm tin gắn bó khách hàng, đại lý với SPC.
- Xây dựng chiến lược hệ thống phân phối mang tính chất dài hạn để có định hướng phát triển sản phẩm đến từng đại lý cấp 1, cấp 2, hệ thống bán lẻ... một cách hoàn chỉnh và mang tính chuyên nghiệp nhằm giữ vững và mở rộng thị phần.

- Đẩy mạnh hơn nữa công tác sản xuất và kinh doanh giống nông nghiệp để mở rộng thị phần trong lĩnh vực này, đây cũng là các mặt hàng đang từng bước trở thành chủ lực, mang lại hiệu quả cao cho công ty
- Cân đối sản xuất, điều phối hàng hóa bám sát kế hoạch để hạn chế tồn kho cao quá hạn mức hiệu quả; Theo dõi quản lý hàng tồn kho, hàng quá date, nhằm mục tiêu nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh, giảm thiểu rủi ro về hàng tồn kho; đồng thời nâng cao uy tín chất lượng hàng hóa SPC trên thị trường.
- Tiếp tục phát triển, đẩy mạnh mô hình Bác sĩ cây trồng, gắn kết trách nhiệm hiệu quả quảng bá với số lượng doanh số sản phẩm thực hiện
- Hoàn thiện hệ thống quản lý tài chính công ty để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ngắn hạn và nâng cao năng lực quản lý các nguồn đầu tư dài hạn. Cũng cố bộ phận tài chính của Công ty, tiếp tục đào tạo bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ. Đối với các đơn vị trực tiếp kinh doanh áp dụng triệt để quy chế tài chính trong quản lý công nợ, định chế hàng hóa tồn kho, gọi kho khách hàng, để từng bước tháo gỡ khó khăn về nguồn vốn kinh doanh cho công ty.

## **II. Báo cáo của Hội đồng quản trị**

### **1. Kết quả hoạt động trong năm**

Năm 2009 là một năm có nhiều biến động của kinh tế Thế giới và Việt Nam. Cuộc khủng hoảng tài chính thế giới làm ảnh hưởng đáng kể đến tình hình tài chính của Việt Nam trong năm 2009, cụ thể với tình hình lạm phát cao trên 28% những tháng đầu năm 2009, khủng hoảng tiền tệ, lãi suất ngân hàng tăng cao trong các tháng tiếp theo trong năm làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh của hầu hết các doanh nghiệp rơi vào hoàn cảnh hết sức khó khăn.

Đến cuối năm 2008, đầu năm 2009 tình hình suy thoái kinh tế kéo dài làm ảnh hưởng đáng kể đến việc tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp nói chung và các sản phẩm bảo vệ thực vật nói riêng do giá cả nông sản sụt giảm liên tục, sức mua của thị trường giảm mạnh trong các tháng cuối năm 2009. Các điều kiện kinh tế khách quan này đã tác động rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp ở nhiều ngành nghề khác nhau và các hoạt động của Công ty CP Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn cũng đã chịu ảnh hưởng không nhỏ.

*Đơn vị tính: đồng*

| Stt | Chỉ tiêu | Năm 2008 | Năm 2009 | Tỷ lệ % |
|-----|----------|----------|----------|---------|
|-----|----------|----------|----------|---------|

| Stt | Chỉ tiêu                               | Năm 2008        | Năm 2009        | Tỷ lệ % |
|-----|--|-----------------|-----------------|---------|
| 1   | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 720,334,611,200 | 786.977.230.162 | 109,25  |
| 2   | Lợi nhuận sau thuế                     | 25,647,432,390  | 15.462.428.607  | 60,28   |

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008 và 2009 của SPC

## 2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

*Đơn vị tính: đồng*

| Chỉ tiêu           | Kế hoạch 2009   | Thực hiện 2009  | % Kế hoạch |
|--------------------|-----------------|-----------------|------------|
| Doanh thu          | 802.500.000.000 | 786.977.230.162 | 98,07      |
| Lợi nhuận sau thuế | 25.650.000.000  | 15.462.428.607  | 60,28      |
| EPS cuối kỳ (đồng) | 3.166           | 1.909           | 60,28      |

Nguồn: Kế hoạch và Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009 của SPC

Theo đánh giá của Hội đồng quản trị, kết quả kinh doanh năm 2009 vừa qua chưa tốt do những nguyên nhân sau:

- Sự thiếu hụt về nguồn vốn do nguồn vốn bị phân tán bởi các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn nhà nước.
- Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới đã làm giá bán giảm mạnh, giá vốn hàng tồn kho cao, ảnh hưởng rất lớn đến lợi nhuận trong năm 2009.
- Năm 2009 là năm thời tiết thuận hòa, không xảy ra dịch hại nên nhu cầu thuốc bảo vệ thực vật giảm mạnh so với dự kiến của doanh nghiệp.

## 3. Những thay đổi chủ yếu trong năm

- Đầu tư máy móc thiết bị sản xuất nhằm nâng cao năng suất, đáp ứng nhu cầu thị trường hiện tại và trong tương lai.
- Trong năm đã tăng cường đầu tư đổi mới trang thiết phục vụ vi tính hóa toàn bộ nghiệp vụ quản lý văn phòng, thông tin mạng góp phần tăng năng suất và hiệu quả làm việc của CBCNV, đảm bảo việc trang bị đúng nhu cầu và hoạt động ổn định. Xây dựng mới Website quảng bá thương hiệu; Hoàn chỉnh hệ thống Email riêng của SPC; Xây dựng mới hệ thống truyền nhận file (FTP Server); Xây dựng các phần mềm để phục vụ công tác quản lý toàn công ty.

- 
- Đổi mới cơ chế hoạt động, quản trị nhân sự theo kết quả : xây dựng mục tiêu, trách nhiệm, quyền hạn của từng đơn vị, hoàn chỉnh các kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tài chính, các phương án hoạt động cụ thể trong năm, cho từng tháng, từng vụ; Xây dựng mới quy chế trả lương trả thưởng gắn liền với kết quả.

#### **4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai**

Năm 2010, Hội đồng quản trị tập trung đẩy mạnh thực hiện các mục tiêu chính và đưa ra các giải pháp cụ thể như sau:

- Mục tiêu cụ thể trong năm 2010:
  - Doanh thu: 856.000.000.000 đồng
  - Lợi nhuận sau thuế: 26.000.000.000 đồng
  - Cổ tức: tối thiểu 12%/năm (cổ tức bằng tiền)
- Giải pháp thực hiện:
  - Giải phóng hàng hóa tồn kho, phát triển ổn định, bền vững và kiểm soát hạn chế rủi ro trong các hoạt động kinh doanh, tìm kiếm cơ hội phát triển và mở rộng hơn nữa thị trường bán lẻ và tìm kiếm khách hàng ngoài nước.
  - Công tác tổ chức: xây dựng mục tiêu, trách nhiệm, quyền hạn của từng đơn vị, hoàn chỉnh các kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tài chính, các phương án hoạt động cụ thể trong năm, cho từng tháng, từng vụ.
  - Thực hiện khoán chi phí và lợi nhuận cho các đơn vị hoạt động không hiệu quả nhằm tăng cường kiểm soát chi phí, nâng cao trách nhiệm và hiệu quả cho các đơn vị, không bao cấp như các năm trước đây.
  - Chuyển nhượng, cổ phần hóa, hợp tác kinh doanh các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn nhà nước sang để thu hồi vốn phục vụ cho sản xuất kinh doanh chính của đơn vị.
  - Tập trung đẩy mạnh phát triển các sản phẩm mới.
  - Đầu tư và triển khai các dự án Hiệp Phước giai đoạn 2, dự án liên doanh thành lập nông trại trồng rau màu tại Campuchia, dự án xây dựng nhà văn phòng và kho tại tỉnh Đồng Tháp, dự án đầu tư mua văn phòng của chi nhánh Hà Nội, dự án đầu tư mua đất xây văn phòng, nhà kho chi nhánh Long A, dự án xây dựng Trung tâm thương mại tại KM21 – Lào.



- Hợp tác với Tổng Công ty Nông Nghiệp Sài Gòn thực hiện dự án xây dựng Siêu thị Nông nghiệp tại tỉnh Kiên Giang
- Hợp tác đầu tư với Công ty Bò Sữa thực hiện dự án trồng cao su tại Lào
- Hợp tác đầu tư phân diện tích cà phê đã trồng tại Lào
- Hợp tác đầu tư thực hiện dự án trang trại Hoadasa

### III. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

#### 1. Báo cáo tình hình tài chính

##### 1.1 Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Chỉ tiêu                                 | ĐVT  | 2008  | 2009  |
|--|------|-------|-------|
| <b>1. Khả năng thanh toán</b>            |      |       |       |
| Khả năng thanh toán ngắn hạn             | lần  | 1,039 | 1,043 |
| TSLĐ/Nợ ngắn hạn                         |      |       |       |
| Khả năng thanh toán nhanh                | lần  | 0,266 | 0,507 |
| (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn        |      |       |       |
| <b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>         |      |       |       |
| Hệ số nợ/Tổng tài sản                    | lần  | 0,825 | 0,800 |
| Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu                  | lần  | 4,718 | 3,999 |
| <b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b> |      |       |       |
| Vòng quay hàng tồn kho                   | Vòng | 2,440 | 2,666 |
| Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân  |      |       |       |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản             | Vòng | 1,496 | 1,672 |
| <b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>  |      |       |       |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | %    | 0,036 | 0,020 |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu  | %    | 0,305 | 0,164 |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ     | %    | 0,317 | 0,191 |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản    | %    | 0,053 | 0,033 |
| Hệ số Lợi nhuận HĐKD/Doanh thu thuần     | %    | 0,043 | 0,018 |

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009 của SPC

- Khả năng thanh toán: So với năm 2008, khả năng thanh toán hiện tại của công ty được cải thiện tốt hơn. Giá trị hàng tồn kho giảm trong khi các khoản tiền và tương đương tiền tăng chứng tỏ công ty đang dần cải thiện tốt hơn tình hình quản lý hàng tồn kho và tiền mặt (do thu nợ tốt).
- Chỉ tiêu về cơ cấu vốn: Mức độ trang trải các khoản nợ bằng tài sản. Ngoài ra chỉ số này giảm so với năm trước cho thấy việc chiếm dụng vốn của nhà cung cấp khó khăn hơn do những khó khăn chung của nền kinh tế.
- Chỉ tiêu về năng lực hoạt động: So với năm 2008, hiệu suất sử dụng các loại tài sản, công tác quản lý hàng tồn kho, thu nợ của công ty được cải thiện hơn. Bên cạnh đó, do nguyên nhân khách quan, nguồn ngoại tệ bị thắt chặt nên việc thanh toán cho các nhà cung cấp cũng gặp nhiều khó khăn. Điều này có thể dẫn đến việc cung cấp nguyên liệu cho sản xuất hàng hóa bị chậm trễ, không đảm bảo kế hoạch kinh doanh đã đề ra.
- Chỉ tiêu về khả năng sinh lời: Chỉ số sinh lời giảm đều này cho thấy lợi nhuận kinh doanh không tốt mặc dù doanh thu so với cùng kỳ năm trước tăng nhưng hiệu quả kinh doanh lại giảm. Ngoài ra tỷ suất sinh lời của vốn chủ sở hữu giảm chứng tỏ hiệu quả sử dụng vốn chưa cao.

## 1.2 Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2009

|   |                |                |
|---|----------------|----------------|
| Vốn chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12/2009) | Đồng           | 94.183.700.935 |
| Nguồn vốn cổ phần                         | Đồng           | 81.000.000.000 |
| Giá mỗi cổ phần                           | Đồng/CP        | 10.000         |
| Số lượng cổ phần                          | Cổ phần        | 8.100.000      |
| <b>Giá trị sổ sách mỗi cổ phiếu</b>       | <b>Đồng/CP</b> | <b>11.628</b>  |

## 1.3 Những thay đổi về vốn cổ đông

Trong năm 2009, Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn không có thay đổi về vốn cổ đông. SPC vẫn hoạt động với vốn điều lệ 81 tỷ đồng.

## 1.4 Tổng số cổ phiếu đang lưu hành

|              |                       |
|--------------|-----------------------|
| Số lượng     | : 8.100.000 cổ phiếu  |
| Mệnh giá     | : 10.000 đồng/cổ phần |
| Loại cổ phần | : cổ phần phổ thông   |

## 1.5 Cổ tức năm 2009

Công ty đã trả tạm ứng cổ tức năm 2009 bằng tiền mặt cho cổ đông với tỷ lệ 6% theo danh sách phân bổ quyền tại ngày đăng ký cuối cùng 24/11/2009.

Đại hội đồng cổ đông sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức năm 2009 tại Đại hội cổ đông thường niên ngày 28/04/2010. Dự kiến công ty sẽ thực hiện chi trả cổ tức đợt 2 bằng tiền mặt với tỷ lệ 4%.

## 2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh qua các năm

*Đơn vị tính: đồng*

| Chỉ tiêu                  | Năm 2008        | Năm 2009        |
|---------------------------|-----------------|-----------------|
| Vốn chủ sở hữu (VCSH)     | 84.185.619.894  | 94.183700.935   |
| Vốn điều lệ               | 81.000.000.000  | 81.000.000.000  |
| Doanh thu thuần           | 720,334,611,200 | 786.977.230.162 |
| Tốc độ tăng trưởng        | 103%            | 109%            |
| Lợi nhuận trước thuế      | 31.174.930.643  | 17.444.760.753  |
| Tỷ lệ LNNTT/Doanh thu     | 0,043           | 0.022           |
| Lợi nhuận sau thuế (LNST) | 25,647,432,390  | 15.462.428.607  |
| Tỷ lệ LNST/VCSH           | 0,305           | 0,164           |
| EPS (đồng)                | 3.166           | 1.909           |

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2009 của SPC

Năm 2009, một năm đầy khó khăn trong bối cảnh suy thoái chung của nền kinh tế thế giới, Công ty CP Bảo vệ thực vật Sài Gòn bị ảnh hưởng nghiêm trọng do giá cả biến động, sức mua thị trường giảm mạnh, sản xuất nhiều ngành nghề bị đình trệ. Vừa mới chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần từ nửa cuối năm 2008, hoạt động sản xuất kinh doanh của SPC gặp phải nhiều khó khăn như sau:

### - Sự thiếu hụt về nguồn vốn:

Từ khi chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với vốn điều lệ 81 tỷ đồng, trong đó vốn lưu động chỉ khoảng 14 tỷ đồng. Do đó nguồn vốn lưu động dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu là tiền vay. Năm 2009 lãi tiền vay và phí ngân hàng chiếm khoảng 13 tỷ đồng.

---

Các khoản đầu tư từ giai đoạn nhà nước chuyển tiếp sang cổ phần bị thiếu vốn nghiêm trọng như Dự án trồng bắp tại Lào, Dự án nhà máy Hiệp Phước, Dự án di dời nhà máy văn phòng Quận 7, Dự án Hoadasa, Merat, siêu thị Kiên Giang,...

Với tình hình thiếu vốn trầm trọng như trên, toàn bộ nguồn vốn dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị là vốn vay ngân hàng nên đã làm tăng chi phí ảnh hưởng lợi nhuận đáng kể.

- **Khủng hoảng kinh tế thế giới:**

Năm 2009, khủng hoảng kinh tế thế giới ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của đơn vị đặc biệt là một số nhóm sản phẩm tồn kho với giá cao vào cuối năm 2008 báo sai tình hình giá cả nhập khẩu nguyên liệu nên doanh nghiệp đã dự trữ sản xuất một nhóm sản phẩm (thuốc cỏ) với số lượng và giá cao vào cuối năm 2008, năm 2009 khi giá nguyên liệu giảm mạnh, Công ty phải điều chỉnh hạ giá bán để thu hồi vốn, tăng vòng quay vốn lưu động.

### **3. Những tiến bộ Công ty đạt được**

Công ty đã duy trì áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng đã được chứng nhận ISO 9001:2000; Phòng thí nghiệm Công ty được công nhận đạt chuẩn ISO/IEC 17025. Sau khi hoàn thành cổ phần doanh nghiệp, bộ phận ISO Công ty đã chỉnh sửa bổ sung cho phù hợp cơ chế quản lý chất lượng của Công ty cổ phần. Đồng thời, trong năm cũng đã hướng dẫn mở rộng công tác ISO cho các chi nhánh, đơn vị kinh doanh trực thuộc Công ty trên cả nước.

Trong năm đã tăng cường đầu tư đổi mới trang thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, vi tính hóa toàn bộ nghiệp vụ quản lý văn phòng, thông tin mạng góp phần tăng năng suất và hiệu quả làm việc của CBCNV. Xây dựng mới Website quảng bá thương hiệu; Hoàn chỉnh hệ thống Email riêng của SPC; Xây dựng hệ thống truyền nhận file (FTP Server); Xây dựng các phần mềm để phục vụ công tác quản lý toàn công ty.

### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

#### **4.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận 2010**

| Stt | Chỉ tiêu                     | ĐV tính       | TH 2009 | KH 2010 | Tỷ lệ |
|-----|------------------------------|---------------|---------|---------|-------|
| 1   | Giá trị sản xuất (giá CĐ 94) | triệu đồng    | 538,175 | 589,623 | 110%  |
| 2   | Sản lượng sản xuất           | tấn           | 8,401   | 11,033  | 131%  |
| 3   | Doanh thu                    | triệu đồng    | 786,977 | 856,000 | 109%  |
| 4   | Tr đó : Xuất khẩu            | 1000 USD      | 1,835   | 3,600   | 196%  |
| 5   | Lợi nhuận sau thuế           | triệu đồng    | 15,462  | 26,000  | 168%  |
| 6   | Nộp ngân sách                | triệu đồng    | 25,851  | 35,900  | 139%  |
| 7   | Lao động bình quân           | người         | 575     | 670     | 117%  |
| 8   | Thu nhập bình quân           | đ/người/tháng | 4,012   | 5,000   | 125%  |

#### 4.2. Giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010

- Đối với sản xuất

Đổi mới trang thiết bị sản xuất và ổn định toàn bộ hoạt động sản xuất của Xí nghiệp sản xuất Hiệp Phước để tăng cường năng lực sản xuất, đáp ứng nhu cầu kinh doanh trong mọi thời điểm. Hoàn thành đầu tư đổi mới trang thiết bị cho Xí nghiệp Hiệp Phước (giai đoạn 2) như dây chuyền thuốc hạt WDG để thay thế và nâng cao chất lượng sản phẩm, hệ thống máy đóng gói nhỏ để phát triển sản phẩm cho thị trường phía bắc.

Đặc thù ngành nghề kinh doanh thuốc nông dược, vật tư nông nghiệp đòi hỏi tính thời vụ rất cao, do đó cần thiết phải tìm kiếm và xác định nguồn cung ứng nguyên liệu và vật tư bao bì cho sản xuất ngay từ đầu niên vụ : công ty cần làm việc chặt chẽ với các nhà cung cấp về giá cả, nhu cầu và nguồn hàng các loại, hợp đồng ghi nhớ từ đầu để chủ động đón hàng, bố trí sản xuất, cung ứng kịp thời gian cho nhu cầu kinh doanh

- Đối với các chi nhánh – thị trường – hệ thống kinh doanh

Tập trung nhân lực kinh doanh phát triển thị trường miền Trung và Bắc bộ thuộc các chi nhánh Đà Nẵng, Nghệ An, Thanh Hóa, Hà Nội, nơi các sản phẩm SPC còn khả năng phát triển thị phần nhờ đi sâu vào mạng đại lý cấp 2, các tỉnh miền núi, trung du bắc bộ. Đây là thị trường có sản phẩm chủ yếu tiêu thụ nội địa (rau, trái cây) ít bị ảnh hưởng về sự bất ổn bởi giá nông sản xuất khẩu.

Củng cố hệ thống phân phối gồm các khách hàng, đại lý, cửa hàng nhằm giữ vững thị trường hiện có. Các chính sách tín dụng bán hàng, chương trình, kế hoạch chiết khấu, khuyến mãi, phải được xây dựng tiếp thị đến từng khách hàng ngay từ đầu niên vụ để thỏa mãn nhu cầu, tạo niềm tin gắn bó khách hàng, đại lý với SPC.

---

Công ty sẽ nỗ lực mở rộng mạng phân phối bán lẻ thương hiệu SPC, để nâng doanh số và hiệu quả, giảm công nợ khách hàng trong thời kỳ thiếu vốn. Ổn định, củng cố hoạt động mô hình siêu thị nông nghiệp nhằm khuyến trương thương hiệu cũng như tạo hình ảnh chuyên nghiệp cho công ty.

Đẩy mạnh hơn nữa công tác sản xuất và kinh doanh giống nông nghiệp để mở rộng thị phần trong lĩnh vực này, đây cũng là các mặt hàng đang từng bước trở thành chủ lực, mang lại hiệu quả cao cho công ty.

- Điều chỉnh chính sách bán hàng

Chính sách bán hàng sẽ có những điều chỉnh nhằm nâng cao hiệu quả, lợi nhuận kinh doanh. Nhóm chính sách về giá sản phẩm sẽ thay đổi theo tình hình kinh doanh thực tế; Chính sách khuyến mãi không dàn trải theo sản phẩm mà tập trung cho các chương trình lớn như bốc thăm trúng thưởng, theo sản phẩm mới, chủ lực, theo nhóm khách hàng có năng lực tạo thị trường sản phẩm cho công ty; Chính sách chiết khấu vẫn theo đuổi mục tiêu số lượng lớn, tính toán hiệu quả chiết khấu tiền mặt theo chính sách tiền tệ, lãi suất của ngân hàng.

- Chấn chỉnh công tác quản lý hàng hóa

Cân đối sản xuất, điều phối hàng hóa bám sát kế hoạch để hạn chế tồn kho cao quá hạn mức hiệu quả; Theo dõi quản lý hàng tồn kho, hàng quá date, nhằm mục tiêu nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh, giảm thiểu rủi ro về hàng tồn kho; đồng thời nâng cao uy tín chất lượng hàng hóa SPC trên thị trường. Các đơn vị kinh doanh phải cùng chịu áp lực với công ty về các trách nhiệm bán hàng để đưa mức tồn kho xuống  $\frac{1}{2}$  so với mức hiện nay. Định mức hàng tồn kho ở các đơn vị kinh doanh cùng với kế hoạch tiêu thụ là những chỉ tiêu ràng buộc để xem xét việc hoàn thành kế hoạch hàng tháng của các đơn vị.

#### **IV. Báo cáo tài chính**

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật (*Phần phụ lục*).

#### **V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán**

**Kiểm toán độc lập**



Số: 10809391-HN/AISC-DN3

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM**  
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh  
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) Fax: (84.8) 3930 4281  
Email: aisc@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN KẾT THÚC NGÀY 31/12/2009  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN**

Kính gửi : Hội đồng quản trị và Ban Giám Đốc Công Ty Cổ Phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn.

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công Ty Cổ Phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31/12/2009, được lập ngày 31 tháng 03 năm 2010 của Công Ty Cổ Phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn từ trang 05 đến trang 28 kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất này được hợp nhất từ các Báo cáo tài chính của các đơn vị sau:

Công ty cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn ( "Công ty mẹ" )

Công ty Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn tại Lào

Công ty Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn tại Cambodia

Việc lập, soạn thảo và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc về trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Giám Đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến về các báo cáo hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo những quy định của Nhà nước Việt nam về chế độ kế toán và kiểm toán; phù hợp với các chuẩn mực kiểm toán Việt nam.

Trên căn bản thử nghiệm, cuộc kiểm toán bao gồm việc xem xét các chứng cứ liên quan đến số liệu và các công bố trên báo cáo tài chính hợp nhất. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá về những ước lượng và những ý kiến quan trọng đã được thể hiện bởi Hội đồng quản trị và Ban Giám Đốc của Công ty; về sự phù hợp của các nguyên tắc, chế độ kế toán, việc áp dụng nhất quán và trình bày đầy đủ trong việc soạn thảo các báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi đã lập kế hoạch và hoàn thành cuộc kiểm toán để đạt được tất cả các thông tin và các giải trình cần thiết nhằm cung cấp cho chúng tôi đầy đủ chứng cứ để đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tránh được các sai sót trọng yếu. Chúng tôi tin rằng việc kiểm toán đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty Cổ Phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31/12/2009, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành và tuân thủ các qui định pháp lý có liên quan.

KIỂM TOÁN VIÊN

Phan Thị Mỹ Huệ

Số chứng chỉ KTV: 0563/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2010



Đặng Ngọc Tú

Số chứng chỉ KTV: 0213/KTV

Branch in Ha Noi : C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building, Pham Hung St, Cau Giay Dist, Ha Noi  
Tel : (04) 3782 0045 /46 /47 Fax : (04) 3782 0048 Email: aishn@hn.vnn.vn  
Branch in Da Nang : 36 Ha Huy Tap St, Thanh Khe Dist, Da Nang  
Tel : (0511) 371 5619 Fax : (0511) 371 5620 Email: aiscd@ang.vnn.vn  
Representative in Can Tho : 64 Nam Ky Khai Nghia St, Ninh Kieu Dist, Can Tho  
Tel : (0710) 3813 004 Fax : (0710) 3828 765  
Representative in Hai Phong : 18 Hoang Van Thu St, Hong Bang Dist, Hai Phong  
Tel : (031) 3569 577 Fax : (031) 3569 576

Trang 5

---

## **VI. Các công ty có liên quan**

### **1. Tổ chức nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp tại Công ty**

Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn nắm giữ 59,33% vốn điều lệ tại SPC, tương ứng 4.805.400 cổ phần.

### **2. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức**

Không có

### **3. Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan đến 31/12/2009**

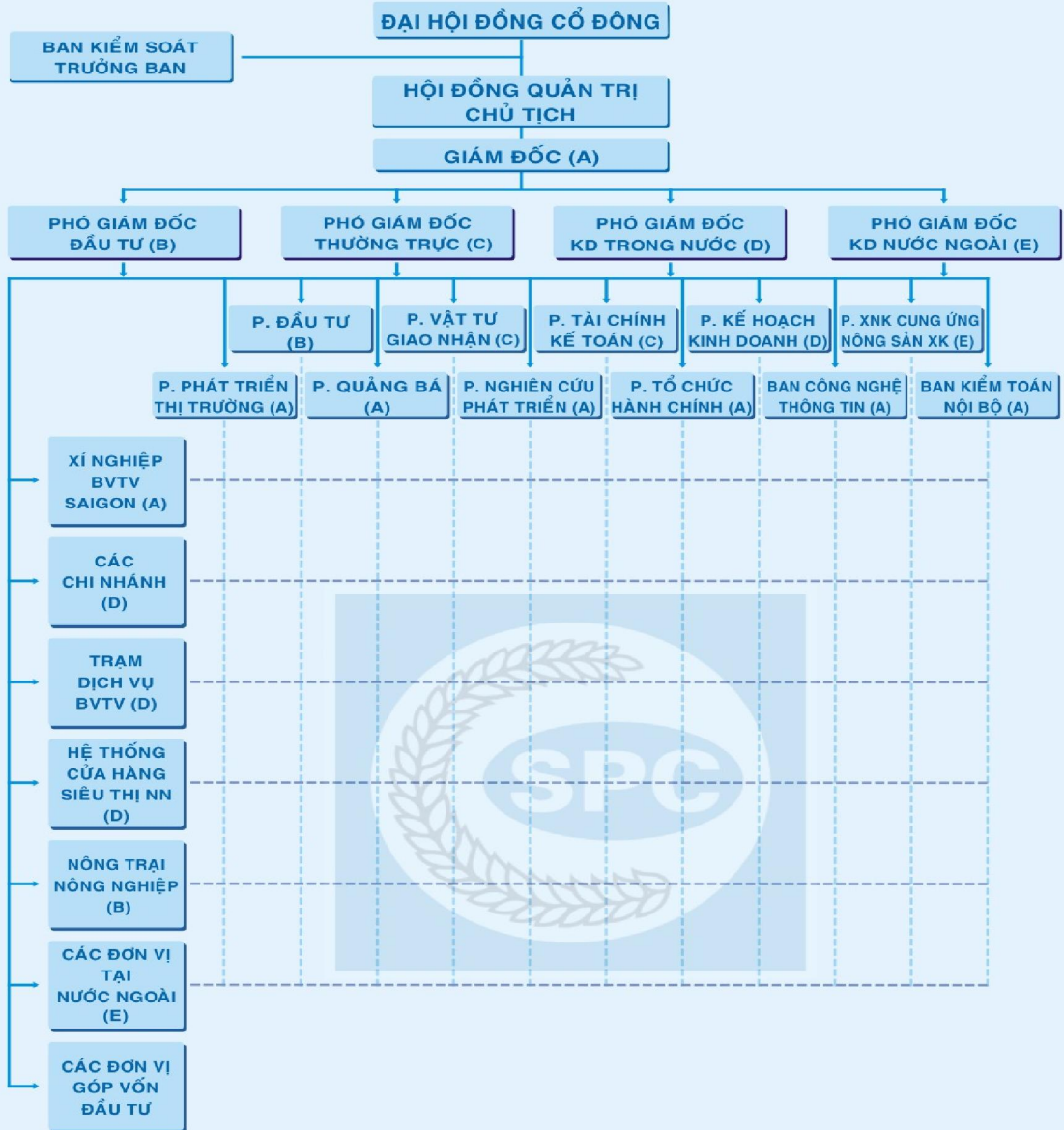
|   |                            |
|---|----------------------------|
| <b>Đầu tư vào công ty con :</b>                       | <b>17.157.637.752 đồng</b> |
| - Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn – Lào       | 15.909.047.752 đồng        |
| - Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn – Campuchia | 1.248.590.000 đồng         |
| <b>Đầu tư khác:</b>                                   | <b>18.206.030.542 đồng</b> |
| - Công ty cổ phần thương mại Mộc Hoá                  | 7.510.164.939 đồng         |
| - Công ty Mêkong                                      | 7.461.000.000 đồng         |
| - Công ty cổ phần BVTV H.A.I                          | 1.837.670.000 đồng         |
| - Dự án 15 gian hàng tại Cá Cựu, TQ                   | 1.297.195.603 đồng         |
| - Trung tâm dạy nghề Sinh Vật Cảnh                    | 100.000.000 đồng           |

## **VII. Tổ chức và nhân sự**

### **1. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty**



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY



---

## 2. Các cá nhân trong Ban điều hành

| BAN ĐIỀU HÀNH                 | Chức vụ      |
|-------------------------------|--------------|
| Ông Trương Huy Hoàng Tam Dũng | Giám đốc     |
| Bà Nguyễn Thị Hồng Ánh        | Phó Giám đốc |
| Ông Yeo Joo Hua               | Phó Giám đốc |
| Ông Nguyễn Xuân Tiến          | Phó Giám đốc |
| Ông Nguyễn Quốc Dũng          | Phó Giám đốc |

---

### **Ông Trương Huy Hoàng Tam Dũng – Giám đốc**

- Ngày tháng năm sinh : 04/09/1960
- Số CMND : 020893346 ngày cấp : 21/05/2004 nơi cấp : TP.HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị Kinh doanh, Cao cấp chính trị
- Quá trình công tác :
  - 1977-1993 : Cán bộ Sở Nông Nghiệp TP,HCM
  - 1993-1996 : Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn
  - 1996-1999 : Phó Giám Đốc Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn
  - 1999-2004 : Giám Đốc Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn
  - 2004 – 06/2008: Chủ tịch kiêm Giám Đốc Cty TNHH 1 TV Bảo vệ thực vật Sài Gòn
  - 06/2008 – nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám Đốc CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn

### **Bà Nguyễn Thị Hồng Ánh – Phó Giám đốc**

- Ngày tháng năm sinh : 09/03/1962
- Số CMND : 023180867 ngày cấp : 26/09/2008 nơi cấp : TP.HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Nông nghiệp, Cao cấp chính trị
- Quá trình công tác :
  - 1984-1992 : Kế toán trưởng Chi cục bảo vệ thực vật - Sở Nông Nghiệp

- 
- 1992-2004 : Kế toán trưởng Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn
  - 2004-2005 : Kế toán trưởng Công ty TNHH 1 TV Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
  - 2005 –T06/08 : Phó Giám Đốc Công ty TNHH 1 TV Bảo vệ thực vật Sài Gòn
  - T6/08 đến nay: Ủy viên HĐQT, Phó Giám Đốc CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn

#### **Ông Yeo Joo Hua – Phó Giám đốc**

- Ngày tháng năm sinh : 22/10/1961
- Số CMND (Hộ chiếu): S1471428F ngày cấp : 02/02/2005 nơi cấp : Singapore
- Quốc tịch : Singapore
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác :
  - 06/2000 – 12/2000 : Chuyên viên Công ty Thuốc trừ sâu Saigon,
  - 12/2000 – 01/2003 : Trợ lý Giám đốc Công ty Thuốc trừ sâu Saigon
  - 01/2003 – 07/2004 : Trưởng phòng Kinh doanh Cty Thuốc trừ sâu Saigon
  - 07/2004 – 11/2004 : Trưởng phòng Kinh doanh Công ty TNHH Một thành viên BVTV Sài Gòn
  - 11/2004 – 06/2008 : Phó Giám đốc kiêm trưởng Phòng Kinh doanh – Công ty TNHH Một thành viên BVTV Saigon
  - 06/2008 – 09/2009 : Phó Giám đốc phụ trách Kinh doanh CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
  - 09/2009 – nay : Phó Giám đốc Kinh doanh nước ngoài CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn

#### **Ông Nguyễn Xuân Tiên – Phó Giám đốc**

- Ngày tháng năm sinh : 16/09/1956
- Số CMND : 021276553 ngày cấp : 11/07/2002 nơi cấp : TP.HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật - Cử nhân Hành chính
- Quá trình công tác :
  - 1976 – 1978 : Thanh niên xung phong
  - 1978 – 1989 : Cán bộ Sở Nông nghiệp – TP.HCM
  - 1989 – 1993 : Tổ trưởng Tổ chức hành chính Nhà máy thuốc trừ sâu Saigon

- 
- 1993 – 1999 : Phó Phòng Tổ chức hành chính Xí nghiệp Thuốc trừ sâu Saigon
  - 1999 – 06/2008 : Trưởng phòng Tổ chức hành chính Công ty TNHH Một thành viên BVTV Saigon
  - 07/2008 – 08/2009 : Phó Giám đốc Đầu tư kiêm trưởng phòng Đầu tư CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
  - 09/2009 – nay : Phó Giám đốc Đầu tư CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn

### **Ông Nguyễn Quốc Dũng – Phó Giám đốc**

- Ngày tháng năm sinh : 18/11/1967
- Số CMND : 021572919 ngày cấp : 20/01/1999 nơi cấp : TP.HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân luật
- Quá trình công tác :
  - 1993 – 2000 : Nhân viên Kinh doanh Xí nghiệp Thuốc trừ sâu Sài Gòn
  - 2001 - 06/2002 : Phó Trưởng Trạm Dịch vụ Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn
  - 07/2002 - 09/2003 : Quyền trưởng Trạm Dịch vụ Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn
  - 09/2003 - 07/2004 : Phó Phòng Marketing Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn
  - 08/2004 - 09/2005 : Phó Phòng Marketing Công ty TNHH Một thành viên BVTV Sài Gòn
  - 10/2005 - 08/2007 : Phó Phòng Kinh doanh Công ty TNHH Một thành viên BVTV Sài Gòn
  - 08/2007 - 06/2008 : Phó Phòng Kế hoạch - Kinh doanh Công ty TNHH Một thành viên BVTV Sài Gòn
  - 06/2008 - 10/2008 : Phó Phòng Kế hoạch - kinh doanh CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
  - 10/2008 - 8/2009 : Trưởng Phòng Kế hoạch – Kinh doanh CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
  - 09/2009 – nay : Phó Giám đốc Kinh doanh trong nước CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.

### **3. Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành trong năm**

Không có.

---

#### 4. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

Tính đến ngày 31/12/2009, tổng số lao động của công ty là 662 người, cơ cấu lao động như sau:

| Yếu tố                          | 31/12/2009       |
|---------------------------------|------------------|
| SL nhân viên, công nhân         | <b>662 người</b> |
| <b>Theo trình độ chuyên môn</b> |                  |
| Tiến sỹ                         | 1 người          |
| Cao học, Thạc sỹ                | 4 người          |
| Đại học, Cao đẳng               | 224 người        |
| Trung học chuyên nghiệp         | 46 người         |
| Lao động phổ thông              | 387 người        |

---

### **Chế độ làm việc**

Công ty luôn tuân thủ quy định của pháp luật về lao động như: chế độ làm việc 8 giờ/ngày và chế độ nghỉ ngơi hợp lý. Thời gian nghỉ phép, lễ tết, ốm, thai sản tuân thủ theo đúng quy định của Luật lao động.

### **Chính sách đào tạo**

Liên tục hoàn thiện, phát triển và đổi mới là cách thức để SPC hiện thực hóa những ước mơ, khát vọng và đam mê của mình. Do đó CBCNV của SPC luôn cố gắng học tập, nghiên cứu và phát triển để có chất lượng công việc cao hơn và thỏa mãn tốt hơn các nhu cầu và mong đợi của khách hàng. Học tập và phát triển là phong cách sống của mỗi thành viên và toàn bộ tổ chức. Thông qua học tập, nghiên cứu và phát triển chúng tôi định hướng hành động vào việc liên tục hoàn thiện việc thực hiện của mình để tạo ra sự phát triển bền vững cho công ty.

Do đó, đào tạo để phát triển là một chính sách rất được coi trọng tại SPC. Công ty coi đào tạo là phương thức hỗ trợ quá trình phát triển nghề nghiệp cho nhân viên. Do đó, mọi thành viên đều được khuyến khích nâng cao trình độ và kiến thức, dù bằng hình thức tham gia các khoá học của Công ty tổ chức hay qua các lớp bên ngoài. Đào tạo tại chỗ chiếm một vai trò quan trọng và cũng được tập trung đặc biệt. Phần lớn thành viên mới gia nhập Công ty đều được đào tạo theo phương thức một kèm một. Khi cần thiết, chúng tôi tạo điều kiện cho nhân viên có cơ hội tham khảo kinh nghiệm nước ngoài để trau dồi, cập nhật kiến thức.

### **Chính sách tiền lương, thưởng**

Chính sách tiền lương, thù lao, phụ cấp của SPC được xây dựng với mục tiêu: công bằng, nâng cao hiệu quả làm việc và tăng cường sự gắn bó lâu dài của các thành viên. Mức lương và phụ cấp của SPC rất cạnh tranh trong ngành BVTV và nằm trong nhóm những doanh nghiệp sản xuất thuốc BVTV hàng đầu Việt Nam. Lương và phụ cấp được trả trên căn cứ vào vị trí công việc (mỗi vị trí đòi hỏi mức độ kiến thức, kỹ năng, độ thách thức cũng như trách nhiệm khác nhau), hiệu quả làm việc và thâm niên làm việc của nhân viên. Tất cả vị trí công việc đều được phân tích, đánh giá, chấm điểm chi tiết và xếp vào một hệ thống nhất trong toàn Công ty. Hàng năm, mức cạnh tranh của mặt bằng lương cũng như thu nhập cho từng vị trí công việc đều được Phòng Tổ chức Nhân sự đánh giá, xem xét và điều chỉnh phù hợp.

**5. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng**

Hội đồng quản trị : không thay đổi

Ban Giám đốc : không thay đổi

Ban kiểm soát : không thay đổi

Kế toán trưởng : thay đổi từ Ông Lâm Văn Lợi sang Ông Điều Quang Trung

**VIII. Thông tin cổ đông và Quản trị công ty**

**1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát**

**1.1. Thành phần của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát**

| <b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>      |                |                    |
|-------------------------------|----------------|--------------------|
| <b>Họ và tên</b>              | <b>Chức vụ</b> | <b>Ghi chú</b>     |
| Ông Trương Huy Hoàng Tam Dũng | Chủ tịch       | Kiên Giám đốc      |
| Ông Nguyễn Thị Hồng Ánh       | Thành viên     | Kiên Phó Giám đốc  |
| Ông Hà Quốc Cường             | Thành viên     | Thành viên độc lập |
| Bà Vũ Thị Tuyết Cẩm           | Thành viên     | Thành viên độc lập |
| Ông Phan Văn Sang             | Thành viên     | Thành viên độc lập |
| <b>BAN KIỂM SOÁT</b>          |                |                    |

| Họ và tên               | Chức vụ    | Ghi chú |
|-------------------------|------------|---------|
| Bà Nguyễn Thị Hồng Oanh | Trưởng ban |         |
| Bà Mai Thị Lệ Khuyên    | Thành viên |         |
| Bà Nguyễn Thị Tố Trinh  | Thành viên |         |

## 1.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2009

### 1.2.1 Các cuộc họp và nghị quyết của Hội đồng quản trị (từ tháng 01/2009 đến 12/2009)

Trong năm 2009, được sự ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông trong công tác chỉ đạo chiến lược sản xuất kinh doanh, HĐQT đã tiến hành họp và ban hành các nghị quyết về xây dựng và định hướng cho Ban Giám đốc công ty thực hiện các chương trình hành động tích cực và đồng bộ, đảm bảo hoạt động có hiệu quả và tuân thủ đúng Điều lệ Công ty như sau:

| Ngày       | Nội dung   | Loại báo cáo |
|------------|--|--------------|
| 14/03/2009 | Quyết toán 6 tháng 2008 chuẩn bị Đại hội<br>Phương án phát hành cổ phiếu bổ sung<br>Thông qua chương trình tổ chức Đại hội cổ đông<br>Chuyển nhượng cổ phiếu cổ đông chiến lược<br>Thông qua thành lập Công ty TNHH 1TV tại Lâm Đồng<br>Quy chế tài chính<br>Quy chế chi hoa hồng, môi giới xuất khẩu<br>Quy chế công bố thông tin                   | Biên bản     |
| 17/03/2009 | Thông qua chương trình tổ chức ĐHCĐ<br>Thông qua chủ trương thành lập Công ty TNHH 1TV Hoadasa<br>Thông qua thành lập CN tại Bà Rịa - Vũng Tàu<br>Điều động Ông Vũ Duy Quý và bổ nhiệm Ông Nguyễn Văn Thành<br>Thông qua phương án phát hành cổ phiếu bổ sung, quy chế tài chính, quy chế chi hoa hồng môi giới xuất khẩu, qui chế công bố thông tin | Nghị quyết   |
| 14/05/2009 | Ủy quyền vay vốn và thế chấp tài sản để vay vốn tại Ngân hàng Sacombank-chi nhánh Lào  | Biên bản     |



| Ngày       | Nội dung  | Loại báo cáo |
|------------|---|--------------|
| 14/05/2009 | Ủy quyền vay vốn và thế chấp tài sản để vay vốn tại Ngân hàng Sacombank-chi nhánh Quận 4  | Biên bản     |
| 17/06/2009 | Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông 2009<br>Lưu ký tập trung và giao dịch Upcom cổ phiếu SPC<br>Chuyển nhượng cổ phần của cổ đông chiến lược CH Quốc Dũng<br>Lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính 2009<br>Thông qua Điều lệ SPC sửa đổi<br>Đầu tư cổ phiếu Công ty HAI<br>Báo cáo về việc vay vốn của Sacombank<br>Báo cáo tình hình thực hiện SXKD 5 tháng đầu năm 2009<br>Thông qua chủ trương đầu tư các dự án | Biên bản     |
| 23/06/2009 | Lưu ký tập trung và giao dịch Upcom cổ phiếu SPC<br>Chuyển nhượng cổ phần của cổ đông chiến lược CH Quốc Dũng<br>Lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính 2009<br>Thông qua Điều lệ SPC sửa đổi<br>Thông qua chủ trương đầu tư các dự án  | Nghị quyết   |
| 24/08/2009 | Về việc bán cổ phần của CTCP Du Lịch Long An  | Biên bản     |
| 24/08/2009 | Thông qua việc bán cổ phần của CTCP Du Lịch Long An   | Nghị quyết   |
| 05/08/2009 | Thành lập các phòng ban thuộc VP Công ty, bổ nhiệm CB quản lý   | Biên bản     |
| 04/11/2009 | Kế hoạch đăng ký giao dịch Upcom<br>Báo cáo kết quả SXKD 9 tháng 2009 của SPC<br>Kế hoạch SXKD quý 4/2009<br>Báo cáo tình hình thực hiện các dự án đầu tư   | Biên bản     |
| 07/11/2009 | Kế hoạch đăng ký giao dịch Upcom<br>Kế hoạch SXKD quý 4/2009<br>Tình hình thực hiện các dự án đầu tư  | Nghị quyết   |
| 07/11/2009 | Đăng ký thành lập chi nhánh CTCP BVTV SG tại Bình Phước   | Biên bản     |
| 07/11/2009 | V/v vay vốn tại Ngân hàng Á Châu (ACB)  | Biên bản     |
| 01/12/2009 | Thông qua việc điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án HP - giai đoạn 2  | Biên bản     |

| Ngày       | Nội dung   | Loại báo cáo |
|------------|--|--------------|
| 10/12/2009 | Thông qua việc điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án HP - giai đoạn 2               | Nghị quyết   |
| 09/12/2009 | Ủy quyền vay vốn và thế chấp tài sản để vay vốn tại Ngân hàng Lào Việt tại Lào | Biên bản     |
| 09/12/2009 | Đăng ký thành lập chi nhánh CTCP BVTV SG tại Đak Nông                          | Biên bản     |
| 09/12/2009 | Đăng ký thành lập chi nhánh CTCP BVTV SG tại Điện Biên                         | Biên bản     |
| 21/12/2009 | Xin điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư tại Cambodia                             | Biên bản     |
| 24/12/2009 | V/v vay vốn tại Ngân hàng Nông Nghiệp & PTNT - CN TP.HCM                       | Biên bản     |
| 26/12/2009 | Thông qua phương án phát hành cổ phiếu   | Biên bản     |
| 26/12/2009 | Thông qua phương án phát hành cổ phiếu   | Nghị quyết   |

### 1.2.2 Báo cáo giám sát Tổng giám đốc

Trong năm 2009 vừa qua, Ban điều hành đã thực hiện đúng theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã đề ra. Ban điều hành đã cùng toàn thể CB CNV nỗ lực hết mình để vượt qua giai đoạn khó khăn nhất, đã giữ vững tinh thần để hoàn thành công tác, nhiệm vụ được giao.

### 1.3. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2009

Ban kiểm soát hoạt động theo điều 123 và 124 của Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11, ngày 29 tháng 11 năm 2005 của Quốc Hội.

Các hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2009:

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị.
- Tham gia các cuộc họp Ban lãnh đạo cùng các phòng ban về kế hoạch, chiến lược đầu tư của công ty.
- Tham gia làm việc cùng Công ty kiểm toán độc lập, xem xét báo cáo tài chính của đơn vị đã được Công ty kiểm toán và dịch vụ Tin học (AISC) kiểm toán.

Căn cứ vào chuẩn mực kế toán và các văn bản Pháp luật hiện hành về tài chính – kế toán thì báo cáo tài chính năm 2009 do Công ty CP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn lập đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài sản, nguồn vốn và kết quả kinh doanh năm 2009.

Căn cứ báo cáo của Ban kiểm soát và biên bản kiểm toán của Công ty kiểm toán và dịch vụ Tin học (AISC), sau khi được Hội đồng Quản trị thông qua, Ban Điều hành báo cáo chi tiết cụ thể về việc phân phối lợi nhuận và mức chia cổ tức theo điều lệ và Kế hoạch SXKD năm 2009 trình HĐQT xem xét để báo cáo Đại hội cổ đông biểu quyết thông qua.

Số liệu trong báo cáo tài chính năm 2009 của BKS phù hợp với nội dung báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty CP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn lập ngày 31 tháng 03 năm 2010 và đã được Công ty kiểm toán và dịch vụ Tin học (AISC) kiểm toán ngày 15/04/2010.

#### **1.4. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của công ty**

**Tổng mức thù lao Hội đồng quản trị 204.000.000 đồng/năm, cụ thể:**

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 5.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên Hội đồng quản trị: 3.000.000 đồng/tháng.

**Tổng mức thù lao Ban kiểm soát 84.000.000 đồng/năm, cụ thể:**

- Trưởng Ban kiểm soát: 3.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên Ban kiểm soát: 2.000.000 đồng/tháng.

#### **1.5. Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên hội đồng quản trị**

Không thay đổi.

#### **1.6. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan**

Không phát sinh

## **2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông tại ngày 31/12/2009**

### **2.1. Thông tin chung về cơ cấu cổ đông**

| Stt      | Cổ đông        | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ cổ phần (%) |
|----------|----------------|------------------|------------------|-------------------|
| <b>1</b> | <b>Tổ chức</b> | <b>14</b>        | <b>5.555.200</b> | <b>68,58</b>      |
|          | - Trong nước   | 14               | 5.555.200        | 68,58             |
|          | - Nước ngoài   | -                | -                | -                 |
| <b>2</b> | <b>Cá nhân</b> | <b>3.400</b>     | <b>2.544.800</b> | <b>33,02</b>      |
|          | - Trong nước   | 431              | 2.465.500        | 30,44             |

| Stt | Cổ đông          | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ cổ phần (%) |
|-----|------------------|------------------|------------------|-------------------|
|     | - Nước ngoài     | 3                | 79.300           | 0,98              |
| @   | <b>Tổng cộng</b> | <b>448</b>       | <b>8.100.000</b> | <b>100,00</b>     |

## 2.2. Thông tin chi tiết về cổ đông lớn

| Tên cổ đông                  | Địa chỉ                               | Ngành nghề hoạt động | Cổ phần nắm giữ |        | Biến động tỷ lệ sở hữu CP |
|------------------------------|---------------------------------------|----------------------|-----------------|--------|---------------------------|
|                              |                                       |                      | Số lượng        | Tỷ lệ  |                           |
| Tổng Cty Nông nghiệp Sài Gòn | 189 Điện Biên Phủ, P.15, Q.Bình Thạnh | Nông nghiệp          | 4.805.400       | 59,33% | 0                         |

**CÔNG TY CP BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN  
CHỦ TỊCH HĐQT**

Đã ký

**TRƯƠNG HUY HOÀNG TAM DŨNG**